TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **15/**2020/HNGĐ-PT
Ngày: 03/9/2020
V/v: Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Duy Phương.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn và bà Nguyễn Thị Hằng
- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Ngọc Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLPT-HNGĐ ngày 22/7/2020 về " Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn ".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 03/6/2020 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 22/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn X, xã Ea T, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đinh Xuân T – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư An Việt Luật – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Bị đơn: Ông Phan Trí D, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn X, xã Ea B, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

* Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Trí D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Thanh M trình bày:

Bà Mai và ông Phan Trí D kết hôn với nhau vào tháng 06 năm 2009, ngày 03/9/2019 ông bà ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 83/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình giải quyết ly hôn, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản và nợ chung. Tuy nhiên, sau khi ly hôn giữa bà M với ông D không thỏa thuận được về việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, vì vậy bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung giữa bà với ông D trong thời kỳ hôn nhân.

Bà M xác định quá trình chung sống, bà với ông D tạo lập được tài sản chung gồm: Thửa đất số 4250, tờ bản đồ 14, đất đã được ủy ban nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 002651 ngày 26/9/2013 đứng tên bà với ông D, hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang do ông D quản lý, chưa thế chấp hay cầm cố ở cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào. Tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà xây cấp IV diện tích 100 m2 cùng các vật dụng, cây trồng, công trình xây dựng khác. Nhà và đất có vị trí tại buôn Ea M, xã Ea B, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk hiện do ông D đang quản lý và sử dụng. Nay bà yêu cầu phân chia toàn bộ tài sản nói trên và có nguyện vọng giao toàn bộ tài sản cho ông D sỡ hữu và đề nghị ông D có trách nhiệm thanh toán cho bà ½ giá trị tài sản bằng tiền.

Đối với việc yêu cầu chia các tài sản gồm: 02 chiếc xe máy, 01 tivi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế, 01 tủ đồ, 02 giường ngủ nay bà rút yêu cầu này, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác. Bà M xác định tại địa phương bà không thuộc chế độ hay chính sách gì.

- Bị đơn ông Phan Trí D trình bày:

Ông D xác định phần trình bày của bà Lê Thị Thanh M đối với quan hệ hôn nhân và tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà M đúng là tài sản chung của ông, bà trong thời kỳ hôn nhân, ông không có tranh chấp gì, nhưng đối với các yêu cầu phân chia của nguyên đơn ông không đồng ý, vì ông xác định các tài sản chung của ông với bà M ông đề nghị để lại toàn bộ cho các con chung của ông với bà M sau khi các con chung đủ 18 tuổi. Hiện nay ông D đang quản lý, sử dụng toàn bộ các tài sản mà bà Mai yêu cầu phân chia, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 002651 ngày 26/9/2013 đứng tên ông với bà M đang do ông quản lý, chưa cầm cố hay thế chấp ở cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào. Ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Tại bản án số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 03/6/2020 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 165, 217, 235, 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 29, 33, 35, 37, 38, 59, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 13, điểm b khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh M về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn với ông Phan Trí D.

Ông Phan Trí D được quyền sở hữu các tài sản gồm đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 4250, tờ bản đồ 14 tại buôn Ea M, xã Ea B, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được ủy ban nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 002651 ngày 26/9/2013.

- Buộc ông Phan Trí D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị Thanh M phần giá trị tài sản chung với số tiền tổng cộng 201.593.500 đồng. (Hai trăm lẻ một triệu năm trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng).

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản là 02 chiếc xe máy, 01 tivi, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, 01 bộ bàn ghế, 01 tủ đồ, 02 giường ngủ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19/6/2020 ông Phan Trí D có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án với lý do: Toàn bộ tài sản chung của ông D, bà M sẽ giao lại cho con chung của ông bà, ông D chỉ là người giám hộ nên ông D không có quyền sở hữu tài sản này nên ông D không đồng ý chia tài sản và chịu các chi phí tố tụng và án phí Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định:

Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS quyết định theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 13/6/2020 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định, nên hợp lệ. Qúa trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa đương sự không rút đơn kháng cáo, không rút đơn khởi kiện. Vì vậy kháng cáo của bị đơn được xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Phan Trí D, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Đối với diện tích 253m², tại thửa đất số 4250, tờ bản đồ 14 tại buôn Ea M, xã Ea B, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk, đã được UBND huyện Cư Kuin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 002651 ngày 26/9/2013 cho ông Phan Trí D và bà Lê Thị Thanh M. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà M và ông D đều thừa nhận đây là tài sản chung có nguồn gốc do ông bà nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung để phân chia là có căn cứ theo khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét kháng cáo của bị đơn về nghĩa vụ chịu án phí và chi phí tố tụng, HĐXX nhận thấy căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì

các đương sự trong vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp về việc chia tài sản chung của vợ chồng thì phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia. Ngoài ra, đương sự còn phải chịu chi phí tố tụng theo tỷ lệ giá trị phần tài sản mà họ được chia theo Điều 157, 165 Bộ luật dân sự. Do đó, kháng cáo của ông D là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên HĐXX phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Trí D – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phan Trí D phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Trí D - Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2020/HNGĐ-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Trí D phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Phan Trí D đã nộp theo biên lai số AA/2019/0007086 ngày 07/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Phương
(Đã ký)